TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2025/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 11 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 167/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh H M T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu T2, xã K, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Chị N T V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu T2, xã K, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh H M T và chị N T V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh H M T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Phú Quốc, sinh ngày 20/12/2009 và H Q Đ , sinh ngày 07/01/2021. Chị N T V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung H M P , sinh ngày 31/3/2008, kể từ khi ly hôn đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H M T và chị N T V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh H M T và chị N T V cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

Về tài sản chung; công nợ và công sức: Anh H M T và chị N T V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H M T tự nguyện chịu cả 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004716 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh T. Anh H M T được trả lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 6- T;
- Phòng THADS Khu vực 6- T;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo